

Số: 4488 /BKHĐT-TH

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2024

V/v xây dựng kế hoạch đầu tư công
năm 2025

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Điều 56 Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, cơ quan trung ương và địa phương) tổ chức xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024:

Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Đầu tư công và trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm 2024, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024 theo các nội dung sau:

1. Tình hình giao, phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 tại các văn bản giao kế hoạch đầu tư công năm 2024 của cấp có thẩm quyền theo từng nguồn vốn, từng dự án (kể cả nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023 nếu có).

2. Tình hình thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm 2024, khả năng thực hiện, giải ngân 09 tháng năm 2024, ước thực hiện, giải ngân cả năm 2024 theo từng nguồn vốn, cụ thể: vốn ngân sách nhà nước (gồm: vốn ngân sách trung ương¹, vốn ngân sách địa phương), vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo

¹ Bao gồm: vốn từ nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trong đó làm rõ vốn bố trí hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023 đã được Thủ tướng Chính phủ giao năm 2024 (nếu có).

quy định của pháp luật. Trong đó, báo cáo chi tiết các nội dung sau:

a) Các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Báo cáo kết quả thực hiện từng dự án. Đối với dự án không giải ngân hết vốn, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc không giải ngân hết số vốn được giao. Đề xuất, kiến nghị cụ thể về việc xử lý đối với số vốn thuộc Chương trình chưa giải ngân hết theo quy định, dự án chưa hoàn thành theo tiến độ.

b) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (chi tiết các khoản trước ngày 01/01/2015), thu hồi vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu có).

Báo cáo chi tiết số vốn còn lại phải bố trí theo từng nguồn vốn (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương), căn cứ xác định trách nhiệm bố trí vốn thuộc ngân sách trung ương hay ngân sách địa phương, nguyên nhân, khó khăn, vướng mắc, khả năng bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định trong năm 2025.

c) Thanh toán cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2023; các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024.

d) Tình hình triển khai, thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2024 (nếu có) của từng dự án.

đ) Các dự án chuyển tiếp phải bố trí đủ vốn để hoàn thành trong năm 2024 và năng lực tăng thêm dự kiến đạt được sau khi hoàn thành dự án; dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt.

e) Các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, đường ven biển, dự án đường cao tốc, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

g) Các dự án được bố trí vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023 (nếu có).

h) Đối với nhiệm vụ cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước và tín dụng chính sách, tình hình cho vay theo quy định, báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ được cấp từ nguồn vốn đầu tư công tại các quyết định của cấp có thẩm quyền.

i) Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: báo cáo cụ thể nguồn thu được để lại theo quy định của pháp luật bố trí cho đầu tư, tình hình thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán trong trường hợp không báo cáo đầy đủ, chi tiết đối với nguồn vốn này.

3. Các giải pháp đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024 theo chỉ đạo tại các Nghị quyết của Chính phủ, Chỉ thị, Công điện, văn bản chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ.

4. Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển, tình hình thực hiện các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

5. Đánh giá chính xác, nêu bật các kết quả đạt được trong 06 tháng đầu năm 2024, tác động của kế hoạch đầu tư công đối với kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Đánh giá tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho cả năm 2024 theo từng nguồn vốn.

6. Làm rõ những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2024; phân tích rõ nguyên nhân, đưa ra bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện kế hoạch năm 2024 để có cơ sở khắc phục trong những năm tiếp theo.

7. Các giải pháp, kiến nghị để tiếp tục triển khai có hiệu quả và thực hiện thành công kế hoạch đầu tư công trong những tháng cuối năm 2024.

8. Đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia 06 tháng đầu năm 2024, ước thực hiện, giải ngân 09 tháng và năm 2024; làm rõ thuận lợi, khó khăn, vướng mắc phát sinh, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, kiến nghị (nếu có). Trong đó đề nghị:

a) Chủ chương trình chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần đánh giá:

- Kết quả xây dựng, ban hành, trình ban hành các cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình (bao gồm cả kết quả sửa đổi, bổ sung các văn bản theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền); Đánh giá việc áp dụng các quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tình hình phân bổ, sử dụng vốn ngân sách trung ương chi tiết đến dự án thành phần, vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có); Cân đối, sử dụng vốn ngân sách địa phương (bao gồm cả việc chấp hành quy định về bố trí vốn đối ứng); Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tình hình thực hiện các Nghị quyết số 108/2023/QH15, Nghị quyết số 111/2024/QH15; Kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan trong thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Cơ quan chủ quản chương trình (các bộ, cơ quan trung ương và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) đánh giá:

- Tình hình ban hành văn bản quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo thẩm quyền phân cấp. Đối với các địa phương, đề nghị

đánh giá tình hình tổ chức, thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15, các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp cụ thể để xử lý các khó khăn (đề nghị kiến nghị rõ cơ quan có thẩm quyền xử lý).

- Tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước (bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương, vốn đối ứng của địa phương theo quy định) chi tiết theo các dự án thành phần, vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có); Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ các Chương trình mục tiêu quốc gia. Riêng các địa phương tự cân đối ngân sách, đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách địa phương chi tiết theo các dự án thành phần, vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có).

- Kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước liên quan đến tổ chức thực hiện, sử dụng nguồn lực trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có) tại bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan, đơn vị tại địa phương.

c) Cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện: Đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng, giải ngân vốn ngân sách nhà nước chi tiết theo các dự án thành phần, chi đầu tư, chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có); Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan đến tổ chức thực hiện, sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).

B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU LẬP KẾ HOẠCH:

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối để thực hiện thắng lợi các mục tiêu tại các Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch 05 năm 2021-2025², đồng thời là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Việc lập kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước; Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 03 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng³, mục tiêu, nhiệm vụ đã được Hội đồng nhân dân các cấp quyết nghị và Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự

² Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

³ Nếu tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025 đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII.

toán ngân sách nhà nước năm 2025.

- Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương xác định rõ mục tiêu, khả năng huy động và cân đối nguồn vốn, thứ tự ưu tiên bố trí vốn, khả năng thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025; Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải, manh mún, kém hiệu quả, giao vốn nhưng không phân bổ hết nguồn vốn được giao; Đảm bảo tiến độ phân bổ, giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2024 cho các nhiệm vụ, dự án, tiến độ triển khai, thực hiện, giải ngân theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể: Thực hiện giao và phân bổ chi tiết hết kế hoạch đầu tư công năm 2025 cho các nhiệm vụ, dự án trước ngày 31/12/2024 và phân đầu giải ngân hết vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 được giao. Hạn chế tối đa việc kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hàng năm.

- Phân đầu giảm tối đa thời gian thực hiện và bố trí vốn các dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C so với thời gian tối đa được phép quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, sớm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. Hạn chế tối đa việc phải báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn thực hiện dự án.

II. NỘI DUNG LẬP KẾ HOẠCH:

1. Nội dung chính:

Căn cứ quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư công, trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024, mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của quốc gia theo từng ngành, lĩnh vực và của từng địa phương, mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 theo Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ, khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong năm kế hoạch 2025, đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo các nội dung sau:

- a) Định hướng, mục tiêu của kế hoạch đầu tư công năm 2025.
- b) Dự kiến nhu cầu kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo từng nguồn vốn.
- c) Dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác cho đầu tư phát triển ngoài nguồn vốn đầu tư công.
- d) Thuận lợi và khó khăn, vướng mắc trong việc cân đối và huy động các nguồn vốn đầu tư trong năm 2025 để thực hiện và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025. Bài học kinh nghiệm. Dự kiến các kết quả đạt được.

đ) Các đề xuất, kiến nghị và các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025 của bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Dự kiến các kết quả đạt được.

2. Nguyên tắc bố trí vốn:

Việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025 phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 51 Luật Đầu tư công, cụ thể:

- Nhằm thực hiện mục tiêu, định hướng phát triển trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch đã được phê duyệt.

- Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, thứ tự ưu tiên theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Bố trí đủ vốn cho 03 Chương trình mục tiêu quốc gia theo các Nghị quyết của Quốc hội; Tập trung ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, quan trọng, dự án lớn, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên kết vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững của đất nước, của các cấp, các ngành.

- Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hàng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công; Đảm bảo thời gian bố trí vốn thực hiện dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công; Hoàn thành việc giao, phân bổ chi tiết hết kế hoạch đầu tư công năm 2025 trước ngày 31/12/2024.

- Mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án (đối với nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch là dự toán cho nhiệm vụ đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch được duyệt) trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2024 của nhiệm vụ, dự án và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao cho nhiệm vụ, dự án trừ đi số vốn đã giải ngân các năm 2021, 2022, 2023 và dự kiến giải ngân năm 2024 (kể cả số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân sang năm 2024). Mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án phải **phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân trong năm 2025.**

- Riêng đối với vốn nước ngoài, bố trí đủ vốn cấp phát từ ngân sách trung ương và vốn nước ngoài vay lại cho các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi có cấu phần vay lại để đảm bảo khả năng giải ngân của dự án theo quy định.

3. Dự kiến danh mục nhiệm vụ, dự án và bố trí kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 cho từng nhiệm vụ, dự án:

3.1 Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương:

a) Căn cứ mục tiêu, định hướng, nguyên tắc bố trí vốn, khả năng cân đối vốn, khả năng thực hiện, giải ngân của từng nhiệm vụ, dự án, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương dự kiến danh mục và mức vốn chi tiết bố trí cho các nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025, nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo thứ tự ưu tiên cụ thể như sau:

(1) Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu còn). Bảo đảm sau khi phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thì không còn nợ đọng xây dựng cơ bản và số dư vốn ứng trước phải thu hồi theo quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22/6/2023 của Quốc hội.

(2) Bố trí đủ vốn hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bố trí đủ vốn cho 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(3) Bố trí đủ vốn từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023 cho các nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn vốn này (nếu có);

(4) Bố trí đủ vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025 nhưng chưa được bố trí đủ vốn, các dự án hoàn thành năm 2025, vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tham gia vào các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). Đối với dự án hoàn thành trước năm 2025 nhưng chưa được bố trí đủ vốn, dự án hoàn thành trong năm 2025, trường hợp không còn nhu cầu vốn, đề nghị bộ, cơ quan trung ương, địa phương có văn bản cam kết không tiếp tục bố trí vốn cho các dự này trong các năm tiếp theo, đồng thời cam kết hoàn thành dự án, bàn giao, đưa vào sử dụng theo đúng tiến độ, mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền quyết định;

(5) Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(6) Bố trí vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

(7) Bố trí đủ vốn theo tiến độ cho các dự án đường cao tốc, dự án đường ven biển, dự án trọng điểm, các dự án đường liên vùng của địa phương;

(8) Bố trí vốn theo tiến độ được phê duyệt cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư. Trường hợp chưa kịp hoàn thiện thủ tục đầu tư tại thời điểm lập kế hoạch thì trong báo cáo lập kế hoạch, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải cam kết hoàn thiện quyết định đầu tư của các dự án trước khi giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 (trước ngày 31/12/2024).

b) Riêng đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các Nghị định hướng dẫn thi hành, trong đó làm rõ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ nước ngoài được phân bổ cho chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp và vốn đối ứng của các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay

ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp (cả cấp phát và cho vay lại) phải làm rõ mức vốn cấp phát và cho vay lại.

Việc bố trí vốn nước ngoài phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, bảo đảm tiến độ và các cam kết khác đã ký với nhà tài trợ, khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng, năng lực của chủ chương trình, dự án và tiến độ thực hiện dự án, đảm bảo thứ tự ưu tiên như sau:

(1) Bố trí đủ vốn cho dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2025 và không có khả năng gia hạn Hiệp định, dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025;

(2) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt;

(3) Bố trí vốn theo tiến độ được duyệt và trên cơ sở khả năng giải ngân của dự án mới đã ký Hiệp định.

c) Đối với vốn bố trí để cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Căn cứ tình hình thực hiện năm 2024, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền quyết định, quy định của cấp có thẩm quyền về chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác, dự kiến những thay đổi về đối tượng, chính sách, nhiệm vụ, tăng trưởng tín dụng, dư nợ cho vay, huy động vốn, lãi suất huy động, cho vay,... để xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025.

3.2. Đối với vốn ngân sách địa phương:

- Căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, dự kiến khả năng cân đối nguồn vốn cho đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo rà soát và dự kiến phương án bố trí vốn đầu tư công trong cân đối ngân sách địa phương năm 2025 phù hợp với các chỉ đạo về xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương của cấp có thẩm quyền, bảo đảm bố trí vốn tập trung và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, trong đó lưu ý: ưu tiên thanh toán đủ số nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), thu hồi toàn bộ số dư vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nếu còn); bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025, vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn ngân sách nhà nước tham gia vào các dự án PPP, các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2025, các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được duyệt, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, giảm tối đa thời gian bố trí vốn của các dự án so với thời gian bố trí vốn quy định của Luật Đầu tư công; ưu tiên bố trí đủ vốn theo cam kết cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án đường cao tốc, dự án đường ven biển, dự án liên vùng theo tiến độ thực hiện dự án; sau khi

bổ trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bổ trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

- Trong quá trình xây dựng kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2025, đề nghị các địa phương ưu tiên dành nguồn vốn phù hợp để làm công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến đề nghị đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nhằm rút ngắn thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư và đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án giai đoạn 2026-2030.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết, đề nghị địa phương báo cáo dự kiến thu, chi từ nguồn xổ số kiến thiết, trong đó ưu tiên đầu tư nguồn vốn này cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, y tế công lập, xây dựng nông thôn mới; sau khi đã bố trí vốn bảo đảm hoàn thành các dự án đầu tư thuộc các lĩnh vực trên, được bố trí cho các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu và các dự án quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

- Đối với nguồn thu sử dụng đất: đề nghị xây dựng dự kiến thu, chi từ nguồn này trong năm 2025 sát khả năng thu thực tế của địa phương.

- Đối với nguồn bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh: theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết nghị. Đề nghị các địa phương chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục, ký kết, bổ sung các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong năm kế hoạch 2025; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp.

- Rà soát, làm rõ số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được giao (bao gồm cả số vốn dự kiến giao trong năm kế hoạch 2025) cao hơn so với kế hoạch đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao (nếu có).

4. Lập kế hoạch thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia:

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ Quyết định phê duyệt đầu tư, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2024-2025 của từng Chương trình mục tiêu quốc gia, xây dựng kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ, nhu cầu cân đối vốn từ ngân sách nhà nước, huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác và giải pháp tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025. Trong đó:

a) Chủ chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với chủ dự án thành phần thực hiện:

- Dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ cho từng địa phương;

- Đề xuất nhu cầu vốn cân đối từ ngân sách trung ương (bao gồm: vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên) cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chi tiết đến dự án, thành phần và thuyết minh rõ các nhiệm vụ cần đảm bảo nguồn lực thực hiện trong năm 2025; Mức vốn đối ứng cần bố trí từ ngân sách địa phương theo quy định.

b) Cơ quan chủ quản Chương trình (các bộ, cơ quan trung ương và ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) thực hiện:

- Dự kiến các mục tiêu, chỉ tiêu theo từng chương trình;

- Đề xuất nhu cầu vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương (bao gồm: vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên) chi tiết theo từng nội dung, dự án thành phần, thuyết minh cơ sở đề xuất;

- Dự kiến cân đối vốn ngân sách địa phương (trong đó làm rõ số vốn đối ứng theo quy định) chi tiết theo vốn đầu tư, kinh phí chi thường xuyên, dự án thành phần từng Chương trình; kế hoạch huy động, sử dụng các nguồn vốn khác (gồm: vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác, vốn tín dụng, vốn huy động từ các nguồn hợp pháp khác);

- Danh mục dự án đầu tư (nếu có).

c) Cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình đề xuất nhu cầu vốn ngân sách nhà nước thực hiện từng nội dung, nhiệm vụ, hoạt động thuộc từng Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

(Thực hiện thuyết minh chi tiết số liệu, thông tin báo cáo về các Chương trình mục tiêu quốc gia theo các Phụ lục mẫu biểu kèm theo văn bản này)

5. Lập kế hoạch đầu tư công năm 2025 đối với vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp dành để đầu tư theo quy định của pháp luật:

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ vào khả năng từng nguồn thu cụ thể, xây dựng kế hoạch đầu tư công vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật năm 2025 theo các nội dung dưới đây:

a) Dự kiến khả năng nguồn vốn, kế hoạch sử dụng đối với từng nguồn thu cụ thể của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật, căn cứ pháp lý để lại các khoản thu này.

b) Trên cơ sở dự kiến kế hoạch sử dụng các khoản thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương dự kiến số vốn để lại cho đầu tư và dự kiến phương án phân bổ chi tiết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các mục tiêu, nhiệm vụ quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội, quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (nếu có) đối với từng nguồn thu cụ thể.

c) Dự kiến phương án phân bổ cụ thể đối với từng nguồn vốn theo các nguyên tắc quy định tại Mục 1 trên đây và phù hợp với khả năng thu, khả năng triển khai thực hiện, giải ngân năm 2025.

III. KẾT QUẢ DỰ KIẾN ĐẠT ĐƯỢC CỦA KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025:

1. Dự kiến kết quả đạt được trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao (đánh giá riêng đối với từng Chương trình mục tiêu quốc gia - nếu có).

2. Khó khăn, hạn chế, vướng mắc. Nguyên nhân. Bài học kinh nghiệm.

3. Kiến nghị, đề xuất (nếu có).

IV. TIẾN ĐỘ LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025:

Căn cứ các quy định của Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ và các nội dung hướng dẫn tại văn bản này, Bộ trưởng, Thủ trưởng các bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025⁴ theo tiến độ sau:

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024 và xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025 đảm bảo quy định của Luật Đầu tư công và theo hướng dẫn tại văn bản này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bằng văn bản và trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công (riêng đối với nhiệm vụ, dự án thuộc danh mục bảo vệ bí mật nhà nước thì gửi bằng văn bản) **trước ngày 15/7/2024**.

2. Riêng đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, đề nghị:

- Các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình gửi báo cáo đến cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp chung tại báo cáo của cơ quan chủ quản Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Cơ quan chủ quản chương trình tổng hợp, gửi báo cáo đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan chủ chương trình, chủ dự án thành phần bằng văn bản và trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công **trước ngày 15/7/2024**.

- Cơ quan chủ chương trình thực hiện rà soát, tổng hợp và gửi báo cáo đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bằng văn bản và trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công (theo hướng dẫn của Hệ thống) **trước ngày 31/7/2024**.

Trên đây là nội dung hướng dẫn đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2024 và xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2025. Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương căn cứ quy định tại Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật, Chỉ thị số 17/CT-TTg

⁴ Biểu báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024, dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo mẫu chi tiết được đăng tải trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.

ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn tại văn bản này và Thông tư của Bộ Tài chính quy định về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, tình hình, đặc điểm cụ thể của cơ quan, địa phương, đơn vị mình, thực hiện các nội dung nêu trên, gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đúng thời hạn quy định để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ về các nội dung, thông tin, số liệu và tiến độ báo cáo.

Trong quá trình triển khai, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp xử lý theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTg Lê Minh Khái (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, Bộ Tài chính;
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị trong Bộ: KTHT, LĐVX, KTNN, KTĐPLT, PTHĐT, TCTT, QPAN, KTCNDV, KHGD TNMT, KTĐN, Văn phòng Bộ;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu VT, Vụ TH.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng



Phụ lục 1.1.a

(Ban hành kèm theo văn bản số **4488** /BKHDĐT-TH ngày **11** tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

(Áp dụng cho cơ quan chủ quản Chương trình tại trung ương)

KẾT QUẢ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2024

STT	Tên loại văn bản	Số Ký hiệu
1.	Thống kê các văn bản của bộ, cơ quan trung ương ban hành để tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo thẩm quyền phân cấp ⁽¹⁾	
2.		
3.		
	

Ghi chú:

- (1): Chính sách được ban chỉ áp dụng cho nội bộ từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương.



Phụ lục 1.1.b

(Ban hành kèm theo văn bản số **4488** /BKHDĐT-TH ngày **11** tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

(Áp dụng cho cơ quan chủ quản Chương trình tại địa phương)

KẾT QUẢ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2024

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu
A	VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHUNG CHO QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	
I	VĂN BẢN DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH BAN HÀNH	
1.	Quy định về tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương theo thẩm quyền phân cấp	
1.1	...	
1.2	...	
...		
2.	Quy định về cơ chế, chính sách riêng của địa phương	
1.1	...	
1.2	...	
...		
II	VĂN BẢN DO ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH BAN HÀNH	
1.	Quy định về tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo thẩm quyền phân cấp	
1.1	...	
1.2	...	
...		
2.	Quy định về cơ chế, chính sách riêng của địa phương	
1.1	...	
1.2	...	
...		

STT	Tên loại văn bản	Số ký hiệu
B	VĂN BẢN QUY ĐỊNH RIÊNG CHO TỪNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	
I	CHƯƠNG TRÌNH...⁽¹⁾	
1.	Văn bản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành	
1.1	...	
1.2	...	
...		
2.	Văn bản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành	
1.1	...	
1.2	...	
...		
II	CHƯƠNG TRÌNH...⁽¹⁾	
...		

Ghi chú:

- (1): Tên Chương trình mục tiêu quốc gia.



Phụ lục 2.1
 4488/BCHĐT-TT ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
 Ban hành quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 104/QĐ-TTCT, ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 104/QĐ-TTCT, ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

BỘ QUỐC DÂN DÂN CHỦ VÀ QUẢN LÝ CÁC VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024, ĐỀ XUẤT NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án thành phần/ nội dung hoạt động	Kết quả bố trí, sử dụng, giải ngân dự toán, kế hoạch vốn các chương trình đầu năm 2024																								Dự kiến nhu cầu năm 2025	Ghi chú																		
		Kế hoạch nguồn vốn giai đoạn 2021-2025 được cấp có thẩm quyền giao, thông báo												Kế hoạch dự toán vốn CTMTQG giai đoạn 2021-2023														Kết quả thực hiện kế hoạch vốn năm 2024																	
		Tổng cộng giai đoạn 2021-2023						Dự giải ngân đến hết 31/01/2024						Đã làm thủ tục kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024 theo quy định tại các Nghị quyết số 104/QĐ-TTCT, ngày 10/12/2023 và 108/QĐ-TTCT, ngày 10/12/2023						Kết quả giải ngân vốn đã làm thủ tục kéo dài sang năm 2024 trong 6 tháng đầu năm 2024								Tổng cộng năm 2024						Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm						Tổng nhu cầu					
		Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:					Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:											
		KHĐTC nguồn NSNN		Thông báo vốn SN	NSNN		NSDP	NSTW		NSDP	NSTW		NSDP	NSTW		NSDP	NSTW		NSDP	NSTW		NSDP	NSTW		NSDP			NSTW		NSDP	NSTW		NSDP	NSTW		NSDP									
TỔNG CỘNG																																													
A CTMTQG... (1)																																													
1 Dự án thành phần/ nội dung hoạt động...																																													
1 Tài dự án, nội dung hoạt động:																																													
...																																													
B CTMTQG... (1)																																													
1 Dự án thành phần/ nội dung hoạt động...																																													
1 Tài dự án, nội dung hoạt động:																																													
...																																													

Ghi chú:
 (1): Tên Chương trình mục tiêu quốc gia.

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO



Phụ lục 3.1

(Ban hành kèm theo văn bản số **4488** /BKHDT-TH ngày **11** tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
(Áp dụng cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024

STT	Chương trình	Đơn vị tính	Mục tiêu năm 2024 được cấp có thẩm quyền giao	Thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024		Đề xuất năm 2025
				06 tháng đầu năm	Ước cả năm	
I	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA... (1)					
1	Mục tiêu 1:...					
...						
II	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA... (1)					
1	Mục tiêu 1:...					
...						
III	...					
...						

Ghi chú:

(1): Tên Chương trình mục tiêu quốc gia.



Phụ lục 4.1

448 BKHĐT-TH ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
 Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024, DỰ KIẾN NĂM 2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh của cấp có thẩm quyền										Thực hiện kế hoạch vốn năm 2024						Dự kiến nhu cầu vốn bố trí năm 2025			Ghi chú
					Vốn đã bố trí lũy kế đến hết năm 2023 (nếu có)										Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2024						Chi tiết			
					TMBT			Kết quả giải ngân đến hết 31/01/2024 (nếu có)			Số vốn đã làm thủ tục kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024 theo các NQ 104/2023/QH15, NQ 108/2023/QH15 (nếu có)			Kết quả giải ngân số vốn đã làm thủ tục kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2024 (nếu có) trong 6 tháng đầu năm 2024			Chi tiết			Chi tiết				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Ngân sách nhà nước		Nguồn vay động (nếu có)	Ngân sách nhà nước		Tổng	Ngân sách nhà nước		Tổng	Ngân sách nhà nước		Tổng	Ngân sách nhà nước		Tổng cộng	NSTW	NSDP	Tổng cộng	
Tổng	NSTW	NSDP	Tổng	NSTW		NSDP	Tổng		NSTW	NSDP		Tổng	NSTW		NSDP									
TỔNG SỐ																								
I	CTMTQG... (1)																							
1	Dự án áp dụng cơ chế đặc thù																							
(1)	Dự án đầu tư thứ nhất...																							
...																								
2	Dự án đầu tư thông thường																							
(1)	Dự án đầu tư thứ nhất...																							
...																								
II	CTMTQG... (1)																							
1	Dự án áp dụng cơ chế đặc thù																							
(1)	Dự án đầu tư thứ nhất...																							
...																								
2	Dự án đầu tư thông thường																							
(1)	Dự án đầu tư thứ nhất...																							
...																								
III	...																							
...																								

Ghi chú:
 (1): Tên Chương trình mục tiêu quốc gia.



Phụ lục 1.2

(Ban hành kèm theo văn bản số 4488 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

(Phụ lục áp dụng cho chủ Chương trình, chủ dự án thành phần)

KẾT QUẢ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA...⁽¹⁾ ĐẾN NĂM 2024

STT	Tên loại văn bản	Cơ quan ban hành	Số Ký hiệu
A	VĂN BẢN PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH		
I.	VĂN BẢN PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH		
1.	...		
2.	...		
...			
II.	VĂN BẢN PHÊ DUYỆT, ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH		
1.	...		
2.	...		
...			
B	VĂN BẢN QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN THÀNH PHẦN		
I	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT		
1.	Văn bản Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành		
1.1	...		
1.2	...		
...			
2.	Văn bản cấp Bộ ban hành		
1.1	...		
1.2	...		
...			

STT	Tên loại văn bản	Cơ quan ban hành	Số Ký hiệu
II	VĂN BẢN THÔNG THƯỜNG		
1.	Văn bản Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành		
1.1	...		
1.2	...		
...			
2.	Văn bản cấp Bộ ban hành		
1.1	...		
1.2	...		
...			
C	VĂN BẢN ĐIỀU HÀNH, TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ, HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT TRONG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH		
1.	Văn bản Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành		
1.1	...		
1.2	...		
...			
2.	Văn bản cấp Bộ ban hành		
1.1	...		
1.2	...		
...			

Ghi chú:

- (1): Tên Chương trình mục tiêu quốc gia.

TT	ĐƠN VỊ	TỔNG VỐN CHƯƠNG TRÌNH					Dự án, nội dung thành phần số 1:...										Dự án thành phần số 2:...	
							Tổng cộng vốn dự án, nội dung thành phần số 1					Chi tiết theo tiểu dự án, nội dung thành phần						
							Tiểu dự án, nội dung dự án thứ 1:					Tiểu dự án, nội dung thành phần thứ 2:...						
		TỔNG	ĐTPT	Trong đó:		SN	TỔNG	ĐTPT	Trong đó:		SN (vốn trong nước)	TỔNG	ĐTPT	Trong đó:		SN (vốn trong nước)	(Chia tương tự Tiểu dự án, nội dung thành phần thứ 1)	
		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
41	Đăk Nông																	
42	Gia Lai																	
43	Kon Tum																	
44	Lâm Đồng																	
V	ĐÔNG NAM BỘ																	
45	Hồ Chí Minh																	
46	Đồng Nai																	
47	Bình Dương																	
48	Bình Phước																	
49	Tây Ninh																	
50	Bà Rịa - Vũng Tàu																	
VI	ĐÔNG BẮNG SÔNG CL																	
51	Long An																	
52	Tiền Giang																	
53	Bến Tre																	
54	Trà Vinh																	
55	Vĩnh Long																	
56	Cần Thơ																	
57	Hậu Giang																	
58	Sóc Trăng																	
59	An Giang																	
60	Đồng Tháp																	
61	Kiên Giang																	
62	Bạc Liêu																	
63	Cà Mau																	
C	CHƯA PHÂN BỐ (nếu có)																	

Ghi chú:

(1): Tên Chương trình mục tiêu quốc gia.

Tên chủ Chương trình, chủ dự án thành phần

Phụ lục 4.2

(Ban hành kèm theo văn bản số 4488 /BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
(Áp dụng cho chủ Chương trình mục tiêu quốc gia, chủ dự án thành phần)



**ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA... (1) CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG**

STT	CÁC ĐƠN VỊ	Mục tiêu thứ 1:... (ghi rõ đơn vị đo lường...)	Mục tiêu thứ 2:... (ghi rõ đơn vị đo lường...)	...
	CÁC TỈNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TƯ			
I	VÙNG MIỀN NÚI PHÍA BẮC			
1	Hà Giang			
2	Tuyên Quang			
3	Cao Bằng			
4	Lạng Sơn			
5	Lào Cai			
6	Yên Bái			
7	Thái Nguyên			
8	Bắc Kạn			
9	Phú Thọ			
10	Bắc Giang			
11	Hoà Bình			
12	Sơn La			
13	Lai Châu			
14	Điện Biên			
II	ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG			
15	Hà Nội			
16	Hải Phòng			
17	Quảng Ninh			
18	Hải Dương			
19	Hưng Yên			
20	Vĩnh Phúc			
21	Bắc Ninh			
22	Hà Nam			
23	Nam Định			
24	Ninh Bình			
25	Thái Bình			

STT	CÁC ĐƠN VỊ	Mục tiêu thứ 1:... (ghi rõ đơn vị đo lường...)	Mục tiêu thứ 2:... (ghi rõ đơn vị đo lường...)	...
III	MIỀN TRUNG			
26	Thanh Hoá			
27	Nghệ An			
28	Hà Tĩnh			
29	Quảng Bình			
30	Quảng Trị			
31	Thừa Thiên Huế			
32	Đà Nẵng			
33	Quảng Nam			
34	Quảng Ngãi			
35	Bình Định			
36	Phú Yên			
37	Khánh Hoà			
38	Ninh Thuận			
39	Bình Thuận			
IV	TÂY NGUYÊN			
40	Đắk Lắk			
41	Đắk Nông			
42	Gia Lai			
43	Kon Tum			
44	Lâm Đồng			
V	ĐÔNG NAM BỘ			
45	Hồ Chí Minh			
46	Đồng Nai			
47	Bình Dương			
48	Bình Phước			
49	Tây Ninh			
50	Bà Rịa - Vũng Tàu			
VI	ĐỒNG BẰNG SÔNG CL			
51	Long An			
52	Tiền Giang			
53	Bến Tre			
54	Trà Vinh			

STT	CÁC ĐƠN VỊ	Mục tiêu thứ 1:... (ghi rõ đơn vị đo lường...)	Mục tiêu thứ 2:... (ghi rõ đơn vị đo lường...)	...
55	Vĩnh Long			
56	Cần Thơ			
57	Hậu Giang			
58	Sóc Trăng			
59	An Giang			
60	Đồng Tháp			
61	Kiên Giang			
62	Bạc Liêu			
63	Cà Mau			

Ghi chú:

(1): Tên Chương trình mục tiêu quốc gia.